**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ÔN THI TỐT NGHIỆP**

**MÔN GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ BẬC TCCN– Khóa thi tháng 3/2017**

\* Đề thi tốt nghiệp môn Giáo dục chính trị, bậc trung cấp, gồm 03 câu tự luận, thời gian thi 90 phút. Cấu trúc đề thi như sau:

- Câu 1: Triết học Mác – Lênin

- Câu 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Câu 3: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

**NỘI DUNG**

1. **Quy luật Lượng - Chất (Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại)**
* Khái niệm: lượng, chất, độ, điểm nút, bước nhảy
* Mối quan hệ biện chứng giữa Lượng và Chất
* Các hình thức của bước nhảy
* Vị trí và ý nghĩa của quy luật. Cho ví dụ liên hệ thực tiễn.

**- Chất:** Là những thuộc tính của chỉnh thể (sự vật) làm cho nó là nó, làm cho nó khác với những cái khác (chỉnh thể, sự vật khác)

**- Tính chất của chất:** là cái tương đối ổn định hơn lượng.

**- Lượng** là những tính quy định phản ánh sự đồng nhất, giống nhau của các chỉnh thể. Lượng là cái chưa làm cho nó là nó, chưa làm cho nó khác với những cái khác.

**- Sự biểu thị về lượng:** Biểu hiện của lượng cụ thể: kích thước dài, ngắn, số lượng nhiều hay ích, quy mô lớn hay nhỏ, trình độ cao hay thấp, nhịp điệu nhanh hay chậm …

**Tính chất của lượng**: là cái tương đối ổn định hơn chất.

**Độ:** Là khoảng lượng thay đổi nhưng chất chỉ thay đổi cục bộ. Sự vật lúc này chưa biến thành cái khác.

**Điểm nút:** Là điểm diễn ra sự thay đổi toàn phần của chất.

**Bước nhảy:** Là sự thay đổi toàn phần của chất. Sự vật mới ra đời.

**Hình thức của bước nhảy:**

Bước nhảy đột biến: là bước nhảy được thực hiện trong một thời gian rất ngắn làm thay đổi toàn phần của chất.

Bước nhảy dần dần: là bước nhảy được thực hiện từ từ bằng cách tích lũy dần dần những nhân tố mới của chất mới và những nhân tố của chất cũ dần dần mất đi.

**MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA LƯỢNG VÀ CHẤT:**

 **Sự thay đổi dần dần về lượng dẫn đến thay đổi về chất:**

Mỗi chỉnh (sự vật) thể điều là sự thống nhất giữa chất và lượng, trong đó chất tương đối ổn định, còn lượng thì thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi đến một mức độ nhất định và trong những điều kiện nhất định, thì chỉnh thể (sự vật) thực hiện bước nhảy, chất sẽ thay đổi toàn phần. Khi đó chỉnh thể chuyển hóa, một bước phát triển được thực hiện.

**Sự thay đổi về chất dẫn đến thay đổi về lượng**

Chỉnh thể (sự vật) mới ra đời có chất mới, lượng mới . Lượng vẫn tự nó thường xuyên biến đổi nhưng sự biến đổi của lượng này khác sự biến đổi của lượng cũ cả về quy mô, tính chất, chiều hướng v.v…Điều này do chất mới quy định.

Vị trí : Quy luật này chỉ ra cách thức của sự phát triển .

Ý nghĩa phương pháp luận của quy luật:

- Chống tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn (lượng chưa đủ nhưng ép có sự thay đổi về chất).

- Chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại (không chủ động thực hiện các bước nhảy khi có thời cơ, đủ điều kiện). **Tự cho ví dụ liên hệ bản thân.**

1. **Nhận thức và các giai đoạn của nhận thức**
* Khái niệm nhận thức
* Các giai đoạn của nhận thức
* Mối quan hệ giữa các giai đoạn của nhận thức
* Liên hệ thực tiễn và bản thân

Nhận thức: là sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc của con người, nhưng đó không phải là sự phản ánh giản đơn, thụ động mà là sự phản ánh chủ động, tích cực **sáng tạo** của chủ thể trước khách thể.

**Hai giai đoạn của nhận thức: (trực quan sinh động và tư duy trừu tượng)**

 **Trực quan sinh động: (cảm giác, tri giác, biểu tượng)**

 **- Cảm giác** : Là sự phản ánh những thuộc tính riêng lẻ của sự vật, hiện tượng khi chúng tác động trực tiếp qua từng giác quan của con người. Nó cho hình ảnh rời rạc mà chủ thể đã nhận thức được.

**-Tri giác**: Là hình ảnh trọn vẹn về sự vật, khi sự vật đang trực tiếp tác động thông qua các giác quan của ta. Hình ảnh này được hình thành trên cơ sở liên kết các hình ảnh rời rạc của cảm giác.

**- Biểu tượng**: Là hình ảnh , nét tính chất đặc trưng về khách thể được lưu giữ trong bộ não của chủ thể.( sự vật ở đây không mang tính trực tiếp).

 **=> Kết quả :** chủ thể nhận thức được hình ảnh tuy phong phú, đa dạng nhưng chỉ thuộc bề ngoài của khách thể.

**2. Tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính).**

Là giai đoạn phản ánh gián tiếp, mức độ trừu tượng hóa, khái quát những tư liệu có được ở giai đoạn nhận thức cảm tính rất cao, nó đi sâu vào bản chất của sự vật.

Nhận thức lý tính bao gồm: Khái niệm, phán đoán, suy lý.

- Khái niệm : là hình ảnh phản ánh những đặc tính cơ bản của một lớp đối tượng.

- Phán đoán là hình thức liên kết các khái niệm, qua đó thể hiện sự khẳng định hay phủ định các tính chất của sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ của nó với những sự vật, hiện tượng khác.

- Suy luận (suy lý) là quá trình rút ra những phán đoán mới trên cơ sở những phán đoán đã có.

 **=> Kết quả của giai đoạn nhận thức lý tính: chủ thể hiểu đượ bản chất của sự vật.**

**Mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính:**

Nhận thức cảm tính là giai đoạn đầu của quá trình nhận thức, nó cung cấp tư liệu cho nhận thức lý tính, nó cho ta biết bề ngoài của sự vật.

Nhận thức lý là giai đoạn tiếp theo của nhận thức cảm tính, nó lấy những tư liệu có được từ nhận thức cảm tính để khái quát hóa, trừu tượng hóa, cho ta hiểu được bản chất của sự vật .

Không có nhận thức cảm tính thì không có nhận thức lý tính, nhận thức lý tính cho ta hiểu sự vật một cách trọn vẹn, sâu sắc.

**Liên hệ bản thân.**

**3. Cấu trúc của phương thức sản xuất (PHÍA TRANG CUỐI).**

- Khái niệm PTSX.

- Sơ đồ cấu trúc PTSX.

- Giải thích sơ đồ

**4. Quy luật về sự phù hợp của QHSX với tính chất và trình độ của LLSX.**

- Khái niệm về tính chất và trình độ của LLSX

- Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX và QHSX

 + LLSX quyết định QHSX

**Tính chất của LLSX:** là tính cá nhân hay tính chất xã hội trong việc sử dụng tư liệu lao động, mà chủ yếu là công cụ lao động của con người để chế tạo ra sản phẩm.

**Ở cá nhân:** cái cày, con dao, cái cuốc, máy quay sợi...mang tính đơn giản chỉ phù hợp ở cấp độ là cá nhân.

**Tính chất xã hội:** máy móc cơ khí đòi hỏi phải có nhiều người mới làm ra sản phẩm được.

**Trình độ của LLSX**:.Tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng của người lao động, mức độ hoàn thiện của công cụ lao động

**Mối quan hệ biện chứng giữa LLSX vaø QHSX**

**LLSX quyết định QHSX:**

- Trình độ của LLSX như thế nào thì QHSX phải như thế ấy, tức là QHSX phải tương ứng với trình độ của LLSX.

Ví dụ : công cụ lao động thô sơ (thời công xã nguyên thuỷ) không thể nào thiết lập quan hệ lao động tập thể chặt chẽ.

- Trình độ của LLSX tự nó phát triển (công cụ lao động và người lao động) nhưng khi trình độ của LLSX phát triển đến một mức độ nhất định thì QHSX phải thay đổi cho phù hợp với trình độ đang có của LLSX. Ở PTSX mới, trình độ của LLSX vẫn tiếp tục phát triển, đến một lúc nào đó thì QHSX lại thay đổi, PTSX mới lại ra đời.

**QHSX tác động trở lại LLSX :**

Sự tác động trở lại của QHSX đối với LLSX thông qua việc QHSX quy định mục đích của sản xuất, quy định hệ thống tổ chức, quản lý trong sản xuất, phân công sản xuất, quy định phương thức phân phối của cải vật chất.

**Sự tác động trở lại của QHSX đối với LLSX diễn ra theo 2 hướng.**

- Nếu QHSX phù hợp với trình độ của LLSX thì nó sẽ thúc đẩy LLSX phát triển, tức là thúc đẩy SX phát triển, cũng có nghĩa là thúc đẩy XH phát triển.

- Nếu QHSX không phù hợp với trình độ của LLSX thì nó sẽ kiềm hãm sự phát triển của LLSX, tức kìm hãm sự phát triển của sx, cũng có nghĩa là kìm hãm sự phát triển của xã hội.

**Vận dụng quy luật này.**

**PHẦN 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc**

**- Vai trò của đại đoàn kết dân tộc**

**- Nội dung, hình thức của đại đoàn kết dân tộc.**

**- Vai trò của đại đoàn kết dân tộc**

**Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng**. Tư tưởng “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” là tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

**Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành sức mạnh to lớn trong đấu tranh cách mạng.**

Đại đoàn kết dân Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng. Tư tưởng “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” là tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng nhằm hình thành sức mạnh to lớn trong đấu tranh cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc không phải là sách lược cách mạng, thủ đoạn chính trị mà là chiến lược cách mạng.

**Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.**

 Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng, là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc cần được quán triệt trong đường lối, chính sách của Đảng.

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn; tạo nền tảng càng vững chắc, càng có sức mạnh. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những đòi hỏi của quần chúng thành sức mạnh đấu tranh cách mạng.là chiến lược cách mạng.

Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng, là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc cần được quán triệt trong đường lối, chính sách của Đảng.

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn; tạo nền tảng càng vững chắc, càng có sức mạnh. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những đòi hỏi của quần chúng thành sức mạnh đấu tranh cách mạng

**- Nội dung, hình thức của đại đoàn kết dân tộc.**

 - **Đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân:**

+ Hồ Chí Minh coi đại đoàn kết dân tộc là phải tập hợp được mọi người vào một khối trong cuốc đấu tranh chung, do đó ai có tài, đức, hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, nhân dân thì ta đoàn kết với họ.

+ Muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Đoàn kết với tất cả những người yêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, chính kiến.

+ Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn thì phải xác định rõ nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên nền tảng đó. Nền tảng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng.

+Đoàn kết trước hết là phải đoàn kết đại đa số nhân nhân mà đại đa số nhân dân nước ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết.

+ Liên minh công nông và lao động trí óc là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Nền tảng này được cũng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng.

* **Mặt trận dân tộc thống nhất là hình thức tập hợp, xây dựng, tổ chức quần chúng.**

**+** Đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức thực hiện khối đoàn kết dân tộc là Mặt trận dân tộc thống nhất.

+ Mặt trận dân tộc thống nhất là nơi quy tụ mọi tổ chức, cá nhân yêu nước, mọi người Việt Nam ở trong nước và ở ngoài nước.

+ Mật trận dân tộc thống nhất phải có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng.

**+ Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo nguyên tắc:**

\*Nền tảng liên minh công-nông-lao động trí óc.

\*Hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân làm cơ sở để củng cố và mở rộng.

\*Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, sự thật, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

\*Vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái vì nước, vì dân.

**.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng**

* **Vị trí, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội và đời sống cá nhân**
* **Nội dung đạo đức cách mạng**
* **Những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức cách mạng**
* **Liên hệ bản thân qua việc học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.**

**- Vị trí, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội và đời sống cá nhân:** Chủ tịch Hố Chí Minh cho rằng đạo đức là cái gốc, là nền tảng của con người, của xã hội, giống như cây của gốc, nguồn của sông suối.

Bởi vì:

 Có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang.

Đạo đức là vũ khí sắc bén trong cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Đạo dức giúp cho con người luôn giữ được nhân cách, bản lĩnh của mình trong mọi hoàn cảnh.

Đạo đức cùng với tài năng có vai trò quan trọng trong đời sống của mỗi người.

***NỘI DUNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG***

 *Trung với nước, hiếu với dân* là phẩm chất đạo đức nền tảng. Trung với nước là yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội; trung thành với lợi ích dân tộc, có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước. Hiếu với dân là phải thương dân, tin dân, lấy dân làm gốc; quan tâm, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân; đấu tranh để giải phóng nhân dân, để nhân dân trở thành người chủ và làm chủ đất nước.

*Yêu thương con người,* nhất là người lao động nghèo khổ, bị bóc lột, áp bức là phẩm chất quan trọng của con người. Yêu thương con người là phải quan tâm, chăm sóc mọi mặt đời sống con người, tạo điều kiện cho con người phát huy hết tài năng, sáng tạo của mình; hành động để bảo vệ và giải phóng con người.

*- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* là chuẩn mực cốt lõi của đạo đức, điều chỉnh hành vi ứng xử hằng ngày của con người.

*Cần* là cần cù, siêng năng, chăm chỉ, dẻo dai; biết sắp xếp, phân công lao động hợp lý; lao động với năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả cao.

*Kiệm* là tiết kiệm, không lãng phí, không xa xỉ; tiết kiệm của mình và tiết kiệm của công; mình tiết kiệm và làm cho người khác tiết kiệm; tiết kiệm toàn diện từ tài nguyên, vật liệu, tiền tài của cải, thời gian đến sức lao động.

*Liêm* là liêm khiết, trong sạch, không tham lam địa vị, tiền của, danh tiếng. *Chính* là không tà, thẳng thắn, đứng đắn, trung thực, thật thà.

*Chí công vô tư* là đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết; có thể hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích chung.

Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và là những đức tính cần thiết của mỗi con người; là thước đo bản chất con người.

*Có tinh thần quốc tế trong sáng* là tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ, ủng hộ tất cả các dân tộc, chống phân biệt chủng tộc; xây dựng khối đại đoàn kết quốc tế.

***Những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng****:* Nói đi đôi với làm, nêu gương; xây đi đôi với chống, tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi; kiên trì tu dưỡng đạo đức suốt đời, thông qua thực tiễn cách mạng.

* **LIÊN HỆ BẢN THÂN.**

**PHẦN 3: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

1. **Hội nghị thành lập Đảng**

- Hoàn cảnh lịch sử

- Kết quả thành lập Đảng

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Ý nghĩa sự ra đời của Đảng

**4. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

**a) Hoàn cảnh lịch sử**

Từ cuối năm 1929, phong trào cách mạng Việt Nam nhanh chóng trưởng thành cả về mặt lý luận và tổ chức. Đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân diễn ra sôi nổi và rộng khắp cả nước.

Ba tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời, chung mục đích nhưng hoạt động riêng rẽ. Tình trạng phân tán về tổ chức có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lực lượng cách mạng. Yêu cầu thống nhất các tổ chức Đảng để thành Đảng duy nhất đặt ra cấp bách.

Tháng 10 - 1929, Quốc tế Cộng sản gửi thư yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc, khi đó đang hoạt động ở Xiêm. Tuy không nhận được thư của Quốc tế Cộng sản, nhưng biết rõ sự thành lập ba tổ chức cộng sản, Người rời khỏi Xiêm sang Trung Quốc.

Với tầm nhìn rộng lớn và tư cách là Uỷ viên Bộ Phương Đông, phụ trách cục Phương Nam của Quốc tế cộng sản, Người chủ động triệu tập các đại biểu, dự thảo văn kiện, chuẩn bị địa điểm, cách thức tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

**b) Kết quả Hội nghị thành lập Đảng**

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản, diễn ra từ ngày 6 - 1 đến ngày 7 - 2 - 1930, vào dịp Tết Canh Ngọ, tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc).

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản nhất trí thông qua 5 nội dung là xoá bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; thảo luận Chính cư¬ơng và Điều lệ sơ lư¬ợc của Đảng; định kế hoạch thống nhất Đảng ở trong nư¬ớc và cử Ban Trung ư¬ơng lâm thời.

Ngày 8 - 2 - 1930, Nguyễn Ái Quốc viết Lời kêu gọi: Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Chúng ta cần gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để đấu tranh giải phóng dân tộc và giai cấp bị bóc lột.

Ngày 24 - 2 - 1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó các tổ chức Đảng trong nước lần lượt thống nhất thành các Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản mang ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960) ra quyết định lấy ngày 3 - 2 dương lịch hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

**c) Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

Các văn kiện Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt được Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thông qua (2 - 1930) hợp thành C¬ương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh vắn tắt nhưng đầy đủ những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Nói cách khác là làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Nhiệm vụ của cách mạng: Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước An Nam được hoàn toàn độc lập, lập ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông.

Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý. Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc Pháp để làm của công và chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

Về văn hoá- xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v; phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

Về lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vững vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng. Đảng hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông … để kéo họ về phe giai cấp vô sản. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp phải thu phục được đa số giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo dân chúng. Khi đoàn kết với các giai cấp, không thể nhượng bộ, thoả hiệp chút lợi ích gì của công nông.

Về phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền. Tổ chức ra quân đội công nông để bảo vệ thành quả cách mạng, đập tan sự phản kháng của kẻ thù.

Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

=>Cương lĩnh chính trị đầu tiên là sự vận dụng tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, giải đáp đúng đắn những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam và phù hợp với xu thế thời đại. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh là tiến hành cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, giành độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

=> Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ra đời đã quy tụ lực lượng và sức mạnh của Đảng, đặt nền tảng đoàn kết giai cấp công nhân và toàn dân tộc. Đó là đặc điểm và ưu thế của Đảng Cộng sản Việt Nam so với các lực lượng cách mạng khác. Với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đúng đắn và tổ chức chặt chẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng và điều kiện trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**d) Ý nghĩa sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam; chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đây là sự chuẩn bị đầu tiên, quyết định sự phát triển của dân tộc Việt Nam về sau.

Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và hệ thống tổ chức chặt chẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được vai trò lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng, là trung tâm đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đưa cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. **Tám phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong nội dung đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1-2011).**
	* Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
	* Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
	* Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
	* Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
	* Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
	* Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
	* Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
	* Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

**Cấu trúc của phương thức sản xuất**

- Khái niệm PTSX.

- Sơ đồ cấu trúc PTSX.

- Giải thích sơ đồ.

**Có sẵn ở tự nhiên**

**Người lao động**

**Lực lượng sản xuất**

**Đã qua chế biến**

**Đối tượng lao động**

**Phương thức sản xuất**

**Tư liệu sản xuất**

**Công cụ lao động**

**Tư liệu lao động**

**Phương tiện lao động**

**Quan hệ Sở hữu TLSX**

**Quan hệ sản xuất**

**Quan hệ phân phối sản phẩm trong sản xuất**

**Quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất**

Phương thức sản xuất (PTSX): Cách thức sản xuất ra của cải vật chất của con người ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

Phương thức sản xuất gồm 2 mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

LLSX là tổng hợp những sức mạnh của con người tác động vào giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất ( mối quan hệ con người- với tự nhiên trong sản xuất).

Phân tích các yếu tố cấu thành phương thức sản xuất:

Người lđ : Là con người tham gia vào quá trình sản xuất vật chất.

 Người lao động phải có trình độ sản xuất.

Tư liệu sản xuất:

Là phần của giới tự nhiên tham gia vào quá trình sản xuất vật chất

Tư liệu lao động:

 Là phần của giới tự nhiên tham gia vào quá trình sx vật chất gồm: công cụ lđ (CCLĐ) và phương tiện lđ (PTLĐ)

 CCLĐ:

 Là những vật đóng vai trò trung gian để truyền tải sức của người lđ vào những vật chất khác trong quá trình sản xuất vật chất.

 Ptlđ:

 Là những vật hỗ trợ con người vận chuyển, bảo quản trong quá trình sản xuất vật chất

 Đtlđ:

 Là những vật nhận sự tác động của CCLĐ trong quá trình sản xuất vật chất.

Trong LLSX thì người lđ giữ vai trò quyết định, còn CCLĐ giữ vai trò cực kỳ quan trọng.bởi người lđ là chủ thể quyết định, còn CCLĐ biểu hiện khả năng chinh phục tự nhiên của con người (trình độ) .

 Quan hệ sản xuất:

 Là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vất chất.

QHSX gồm:

 Qh sở hữu đối với TLSX nói lên TLSX thuộc về ai ?

 Qh trong tổ chức và quản lý sản xuất tức là ai được quản lý ai bị quản lý

 Qh trong trong phân phối sx ai được chia của cải vật chất cho những thành viên của xh.

Trong ba loại quan hệ trên, quan hệ sở hữu TLSX giữ vai trò quyết định đối với hai quan hệ còn lại.Vì người nào nắm TLSX thì người đó có quyền quản lý, phân công lao động và phân phối sản xuất.